

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 02 - 2023

*V/v không công nhận là vợ  
chồng và tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lành Văn Huế

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Thiều

Ông Phương Anh Tư

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nông Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2022 về việc "Không công nhận là vợ chồng và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 06/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị N**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Đinh Văn S**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau từ tháng 11 năm 1992. Trước khi về chung sống anh chị không được tìm hiểu, là do hai bên gia đình mai mối và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S cũng

đồng ý không bị ai ép buộc. Do không hiểu biết về pháp luật nên hai vợ chồng không đến Ủy ban nhân dân xã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau lễ cưới anh chị về chung sống thời gian đầu có hòa thuận hạnh phúc và có thi thoảng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, đến khoảng tháng 3 năm 2021 chị Dương Thị N xin phép anh Đinh Văn S đi làm công ty kiếm tiền về trang trải gia đình, đến tháng 9/2021 thì anh Đinh Văn S kiếm có ghen tuông nghĩ chị N có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng. Đến tháng 4 năm 2022 chị Dương Thị N đã bỏ về bên ngoại ở và sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Trong suốt thời gian sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay anh Đinh Văn S cũng không hề nhắn tin, gọi điện hỏi thăm gì, nay chị Dương Thị N xác định không còn tình cảm để tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị Dương Thị N yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với anh Đinh Văn S.

Về con chung: Có 01 người con tên là Đinh Văn P, sinh ngày 02/02/1998, nay con đang ở với anh Đinh Văn S, hiện đang được hưởng trợ cấp xã hội là người khuyết tật số tiền 540.000đ/tháng. Khi ly hôn chị Dương Thị N yêu cầu anh Đinh Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Văn P, chị Dương Thị N sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 500.000đ/tháng đến khi cháu Phong khỏi bệnh.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cũng như lời khai tại phiên toà của bị đơn anh Đinh Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn S và chị Dương Thị N được hai gia đình tổ chức lễ cưới từ năm 1992, đến năm 1997 thì mới về ở hẳn với nhau và làm nhà ra ở riêng, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trước khi về chung sống với nhau, anh Đinh Văn S và chị Dương Thị N được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng về chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 02 người con, con đầu khuyết tật kém phát triển, con thứ hai do bệnh tật nên đã mất năm 2019. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì. Đến khoảng đầu năm 2021, chị Dương Thị N đi làm công ty tại Bắc Ninh. Thời gian đầu vẫn thường xuyên về thăm hỏi gia đình, đến đầu năm 2022 chị Dương Thị N ít về thăm hơn; đến ngày 30 tháng 4 năm 2022 chị Dương Thị N về nhà lấy quần áo đi từ đó không về thăm gia đình nữa, khi về chỉ về nhà ngoại; anh Đinh Văn S vẫn thường xuyên gọi điện khuyên bảo và lên nhà ngoại đón nhưng chị Dương Thị N không về và có nói không về chung sống với nhau nữa. Anh Đinh Văn S và chị Dương Thị N đã sống ly thân từ đầu tháng 5 năm 2022 đến nay. Nay anh Đinh Văn S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên, chị Dương Thị N vẫn quyết định không về chung sống nữa thì anh Đinh Văn S cũng đồng ý theo yêu cầu của chị Dương Thị N và yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng với chị Dương Thị N.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Đinh Văn P, sinh ngày 02/02/1998 hiện nay đang ở với anh và cháu Đinh Văn P và do bị khuyết tật hiện cháu đang được hưởng trợ cấp hàng tháng là 540.000đ. Anh Đinh Văn S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đinh Văn P và yêu cầu chị Dương Thị N cấp dưỡng 500.000đ/tháng do cháu khuyết tật không có khả năng lao động, đến khi cháu Đinh Văn P khỏi bệnh.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải về phần con chung, tài sản chung và nợ chung. Tại phiên hòa giải chị Dương Thị N anh Đinh Văn S đã thỏa thuận được với nhau và tại phiên tòa chị Dương Thị N anh Đinh Văn S vẫn giữ nguyên các nội dung đã thỏa thuận cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Đinh Văn S được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Văn P, sinh ngày 02/02/1998 đến khi cháu Đinh Văn P khỏi bệnh, chị Dương Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ/tháng đến khi chị Dương Thị N không còn khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, phương thức cấp dưỡng theo quý, không tính lãi suất chậm trả về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị Dương Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S cùng xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Tại hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng và đúng theo quy định và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng về phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân đề nghị: Không công nhận là vợ chồng đối với chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S.

Về con chung đề nghị: Công nhận sự thỏa thuận của chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S theo biên bản hòa giải ngày 28/11/2022. Vì tại phiên tòa chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S vẫn giữ nguyên quan điểm như đã thỏa thuận theo biên bản hòa giải ngày 28/11/2022.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét vì các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định để sung ngân sách Nhà nước.

Về thiếu sót, kiến nghị: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Dương Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh Đinh Văn S theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về phần con chung, tài sản chung và nợ chung. Các đương sự không có ý kiến khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S tổ chức hôn lễ vào năm 1992, đến năm 1997 thì về ở với nhau như vợ chồng và làm nhà ra ở riêng. Tuy nhiên, anh chị không đi đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S là bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Mặc dù chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S không có đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống với nhau như vợ chồng trong nhiều năm. Quá trình chung sống đến năm 2021 hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn và cũng đã sống ly thân từ đầu tháng 5 năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm gì nhau, tại phiên tòa chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S cũng xác định không còn tình cảm để tiếp tục chung sống. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không đi đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Quyền và nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình”. Do chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định và đã sinh được một người con chung. Do vậy, yêu cầu của chị Dương Thị N là có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử cần không công nhận là vợ chồng đối với chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tại phiên hòa giải chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S đã thỏa thuận được với nhau cụ thể là: Về con chung anh Đinh Văn S được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Văn P, sinh ngày 02/02/1998 đến khi cháu Đinh Văn P khỏi bệnh, chị

Dương Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ đến khi chị Dương Thị N không còn khả năng lao động, phương thức cấp dưỡng theo quý, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, không tính lãi suất chậm trả về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị Dương Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc thỏa thuận của chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và tại phiên tòa anh chị vẫn giữ nguyên quan điểm, do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh chị theo Biên bản phiên hòa giải ngày 28/11/2022.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ để sung ngân sách Nhà nước; đối với khoản tiền án phí cấp dưỡng nuôi con do các đương sự đã thỏa thuận được tại phiên hòa giải nên chị Dương Thị N phải chịu 150.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Dương Thị N và anh Đinh Văn S là anh Đinh Văn S được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Văn P, sinh ngày 02/02/1998 đến khi cháu Đinh Văn P khỏi bệnh, chị Dương Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ đến khi chị N không còn khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, phương thức cấp dưỡng theo quý, không tính lãi suất chậm trả về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị Dương Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xác nhận chị Dương Thị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số: AA/2021/0002827 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lành Văn Huế**

